

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **696/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-7- 2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 144/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1982.

Hộ khẩu thường trú: xã H, huyện N, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ cư trú: phường K, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H:

1. Ông **Nguyễn Anh T** - Luật sư của công ty Luật TNHH Đại Nam thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. Ông **Bùi Đình H** - Luật sư của công ty Luật TNHH Đại Nam thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

3. Ông **Vũ Văn Th**.

Cùng địa chỉ: phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(ông H, luật sư T, luật sư H, ông Th và bà Th có đơn xin giải quyết vắng mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn - ông Nguyễn Văn H trình bày: ông H và bà Nguyễn Thị Th sống chung có đăng ký kết vào năm 2011, tại ủy ban nhân dân xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc bên gia đình chồng. Đến cuối năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã nhau. Mặc dù ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng tình trạng vẫn không cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình vô cùng căng thẳng và ngột ngạt. Vào khoảng cuối năm 2012, khi mâu thuẫn lên đỉnh điểm thì bà Th bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi liên lạc. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: ông H và bà Th có 01 con chung tên Nguyễn Đức L, sinh ngày: 31/01/2012. Hiện trẻ L đang sống chung với bà Th. Mức thu nhập hàng tháng của ông H là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), ông H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ L và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H là luật sư T, luật sư H và ông Th có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nên không có trình bày ý kiến gì.

Bản tự khai bà Nguyễn Thị Th trình bày: bà Th và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào năm 2011, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc, nay đối với yêu cầu ly hôn của ông H thì bà Th đồng ý.

Về con chung: bà Th và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Đức L, sinh ngày: 31/01/2012, hiện trẻ L đang sống chung với bà Th. Từ khi ly thân đến nay, ông H chưa 01 lần đến thăm nom con, mọi chi phí chăm sóc bà Th là người lo cho bé. Nay

bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L vì trẻ sống chung với bà từ nhỏ. Bà Th yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc Th theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn H nộp đơn xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Th. Bà Nguyễn Thị Th hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Văn H, ông Vũ Văn Th, ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông Th, ông H, ông T và bà Th theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy trích lục kết hôn số 01/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/5/2017 trích lục từ Sổ đăng ký kết hôn số 29, quyển số 01/2011 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà Th không thể hàn gắn được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Th để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời

trình bày của ông H và bà Th thì giữa ông và bà Th bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Đồng thời bà Th đồng ý ly hôn với ông H. Mặt khác, trong quá trình giải quyết tại Tòa, ông H và bà Th đều xin vắng mặt tại Tòa án, không tham gia hòa giải để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị Th.

[5] Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th có 01 con chung tên Nguyễn Đức L, sinh ngày: 31/01/2012. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Bà Th cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Trẻ L sống chung với bà Th từ nhỏ, đồng thời tại biên bản lấy ý kiến của trẻ L nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì trẻ L muốn sống với mẹ. Trẻ L đã quen sống với mẹ từ nhỏ, bà Th là người chăm sóc tốt cho trẻ L, do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Nguyễn Đức L, sinh ngày: 31/01/2012 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào nhu cầu học tập và các chi phí sinh hoạt hàng ngày dành cho trẻ L và căn cứ vào lời khai của ông H với mức thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Ông H và bà Th xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông H và bà Th xác nhận không có.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H đối với bà Nguyễn Thị Th.

Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Th có 01 con chung tên Nguyễn Đức L, sinh ngày: 31/01/2012. Giao trẻ L cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 05/8/2019.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo án tuyên thì bà Nguyễn Thị Th có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: ông H và bà Th xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: ông H và bà Th xác nhận không có.

5. Về án phí: ông Nguyễn Văn H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 03890 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông H còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định